TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2025/HC-PT
Ngày 03 tháng 3 năm 2025
V/v Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và Quyết định giải quyết khiếu nại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc

Ông Phan Nhựt Bình

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 862/2024/TLPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc "Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và Quyết định giải quyết khiếu nại".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2021/HC-ST ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 272/2025/QĐPT-HC ngày 10 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Bùi Thị L, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- *Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: số A, đường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

2. Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố P: Ông Nguyễn Lê Quốc T - chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số D, đường C, khu phố B, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Quang L1 – Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố P (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn O, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện bà Bùi Thị L trình bày:***

Năm 2000 vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn H1 và bà Trần Thị P một phần đất có diện tích 10.218,7m^2 tọa lạc tại ấp G, xã G, huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang. Nguồn gốc đất do ông Võ Văn H1 khai khẩn, sử dụng từ năm 1992. Sau khi nhận chuyển nhượng vợ chồng bà có trồng thêm 1.600 cây tràm bông vàng trải đều trên đất, ngoài ra, trên đất còn có 20 cây dừa, 15 cây đào hơn 15 tuổi và một số cây tràm do bà P trồng. Cùng thời điểm này ông H1, bà P có chuyển nhượng cho ông Phạm Văn T1 một diện tích đất gần kề, sau đó ông T1 chuyển nhượng lại cho bà diện tích đất 2.000m^2 nên tổng diện tích đất bà bị thu hồi là 12.218,7m^2.

Ngày 30/11/2015 Ủy ban nhân dân thành phố P Quyết định số 6274/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 10.218,7m^2 và Quyết định số 6275/QĐ-UBND thu hồi diện tích 2.000m^2, tổng diện tích đất thu hồi 12.218,7m^2. Mục đích là để thực hiện dự án Khu D tại xã G, thành phố P. Các quyết định thu hồi đất xác định đất bị thu hồi là đất rừng đặc dụng, nên không được bồi thường quyền sử dụng đất.

Bà không đồng ý với nội dung của quyết định thu hồi đất nên đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban

hành Quyết định số 1402/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại, khẳng định việc không bồi thường quyền sử dụng đất cho bà là đúng quy định.

Để đảm bảo quyền và lợi của hợp pháp của bà, nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại và buộc Ủy ban nhân dân thành phố P phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, ông Trần Chiến T2 là người đại cho người bị kiện trình bày ý kiến:

Diện tích đất 12.218,8m^2 hiện nay bà Bùi Thị L khiếu nại thuộc dự án Khu D, tại ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang trước năm 1998 là đất nhà nước quản lý. Ngày 18/6/1998 UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 2163/QĐ-UB về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 33.307,87ha cho Ban Q (diện tích 12.218,8m^2 nêu trên thuộc phạm vi Vườn Quốc gia P quản lý).

Vào khoảng năm 2005 bà Trần Thị P chiếm đất rừng diện tích 12.218,8m^2 để sử dụng trồng tràm bông vàng, đào xen kẻ cây rừng, sau đó bà Trần Thị P chuyển nhượng trái pháp luật cho bà Bùi Thị L (nguồn gốc đất nêu trên được các hộ dân sống cố cựu địa phương và Hội đồng xét duyệt nguồn gốc đất của xã G xác nhận). Năm 2007 khi kiểm kê, đo đạc để lập phương án bồi thường, bà Bùi Thị L tự kê khai và được lập phương án bồi thường với diện tích là 12.218,8m^2.

Ngày 19/7/2007 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1330/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu du lịch sinh thái B tại xã G, thành phố P trong đó có diện tích 12.218,8m^2 nêu trên.

Ngày 20/11/2013 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 5587/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với dự án nêu trên. Theo phương án phê duyệt, bà Bùi Thị L không được bồi thường hỗ trợ đối với đất đai và cây trồng trên diện tích đất 12.218,8m^2.

Ngày 30/11/2015 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 6274/QĐ-UBND và Quyết định 6275/QĐ-UBND về việc thu hồi đất với tổng diện tích đất 12.218,8m^2 của bà Bùi Thị L. Bà L không được bồi thường về đất đai và cây trồng, bà không đồng ý gửi đơn đến UBND thành phố P để được xem xét giải quyết.

Ngày 12/7/2016, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 3369/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị L với nội dung: *"khẳng định việc UBND* thành phố *không bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 12.218,7m^2 và cây trồng cho bà Bùi Thị L tại dự án Khu D là đúng. Thống nhất ban hành*

Quyết định hỗ trợ cho bà Bùi Thị L diện tích đất 12.218,7m^2 và hỗ trợ cây trồng được lập trong phương án theo Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi trên địa bàn thành phố P, tỉnh Kiên Giang. *Không thừa nhận yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 12.218,7m^2 và yêu cầu bồi thường cây trồng của bà Bùi Thị L".*

Bà L không đồng ý kết quả giải quyết, tiếp tục gửi đơn khởi kiện Quyết định giải quyết khiếu nại đến Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, nội dung khởi kiện: *"yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 3369/QĐ-UBND ngày 12/7/2016 của Chủ tịch UBND thành phố P; buộc UBND thành phố P ra quyết định bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với toàn bộ diện tích 12.218,7m^2 và cây trồng trên đất cho gia đình bà"*. Quá trình giải quyết Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tổ chức đối thoại với Chủ tịch UBND thành phố trước khi giải quyết, qua đối thoại UBND thành phố đã thống nhất thu hồi Quyết định giải quyết khiếu nại số 3369/QĐ-UBND ngày 12/7/2016.

Ngày 11/12/2017 UBND huyện P ban hành Quyết định số 10431/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 về việc thu hồi Quyết định số 3369/QĐ-UBND ngày 12/7/2016 của Chủ tịch UBND thành phố, lý do thu hồi: áp dụng văn bản chưa phù hợp với quy định pháp luật.

Ngày 15/11/2018 bà Bùi Thị L tiếp tục làm đơn gửi đến UBND thành phố P yêu cầu xem xét bồi thường diện tích 12.218,7m^2 thuộc dự án khu D.

Ngày 03/3/2020, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 1402/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Bùi Thị L với nội dung: *"Khẳng định việc UBND thành phố không xem xét bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 12.218,7m^2 và cây trồng cho bà Bùi Thị L thuộc dự án khu D tại xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang là đúng quy định pháp luật. Không thừa nhận nội dung khiếu nại của bà Bùi Thị L".*

Việc UBND thành phố P ban hành Quyết định thu hồi đất và không thực hiện bồi thường về quyền sử dụng đất cho bà Bùi Thị L là đúng theo quy định tại Khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013. Vì diện tích 12.218,8m^2 nêu trên nằm trong diện tích đất do nhà nước quản lý (Vườn Quốc gia P), bà Trần Thị P vào chiếm đất sử dụng vào năm 2005 sau đó chuyển nhượng trái pháp luật cho bà Bùi Thị L. Do đó việc yêu cầu bồi thường về quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị L không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Từ những cơ sở nêu trên: khẳng định việc UBND thành phố ban hành quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị L là đúng quy định của pháp luật.

Do đó, bà Bùi Thị L yêu cầu UBND thành phố P ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho bà theo quy định pháp luật đối với diện tích đất 12.218,8m^2

tại dự án khu D là không có cơ sở để xem xét giải quyết. Đề nghị Tòa án Nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận đơn khởi kiện với nội dung "hủy quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại và yêu cầu UBND thành phố P ban hành quyết định bồi thường diện tích 12.218,8m^2 bị thu hồi tại ấp G, xã G, thành phố P" của bà Bùi Thị L.

Tại Bản án số 10/2021/HC-ST ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 193, Điều 194 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 77, 82 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 01/0217/NC-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L.

2. Hủy quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị L.

3. Buộc UBND thành phố P ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Bùi Thị L đối với diện tích đất bị thu hồi 12.218,7m^2 tại ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang theo đúng quy định của Pháp luật.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L về việc yêu cầu buộc Chủ tịch UBND thành phố P ban hành quyết định giải quyết khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 12.218,7m^2 của bà L bị thu hồi thuộc Dự án khu du lịch sinh thái B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 31/3/2021, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ông Huỳnh Quang H2 kháng cáo đề nghị sửa bản án hành chính sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L

Tại bản án hành chính phúc thẩm số 439/2022/HC-PT ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Bác kháng cáo của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Ngày 12/12/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P có đơn đề nghị xem xét bản án hành chính phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 34/2024/HC-GĐT ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định:

Hủy bản án hành chính phúc thẩm số 439/2022/HC-PT ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố P, sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không đồng ý kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố P, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L, hủy Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị L là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố P, sửa một phần bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà L đối với các quyết định nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người bị kiện được làm đúng thời hạn, hình thức nội dung đảm bảo theo quy định pháp luật.

Tòa án triệu tập hợp lệ, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những đương sự này.

[2] Xét kháng cáo của người bị kiện, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn H (là người đại diện theo ủy quyền của bà L) rút yêu cầu khởi kiện buộc Chủ tịch UBND thành phố P ban hành quyết định giải quyết khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 12.218,7 m^2 của bà L bị thu hồi thuộc Dự án. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đã rút của bà L là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 143 và khoản 2 Điều 165 Luật Tố tụng hành chính.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, bà L cho rằng diện tích 12.218,7 m^2 đất mà gia đình bà bị thu hồi có nguồn gốc của vợ chồng ông Võ Văn H1, bà Trần Thị P khai khẩn, sử dụng ổn định từ trước ngày 01/7/2004. Năm 2000, bà P (vợ ông H1) chuyển nhượng cho bà L 10.218,7 m^2 đất và cho ông Huỳnh Văn T3 (tên gọi khác là Phạm Văn T1) diện tích 2.000 m^2 đất. Năm 2001, ông T1 chuyển nhượng lại phần diện tích 2.000 m^2 đất cho bà. Tuy nhiên, bà P, ông H1 không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai và việc sử dụng đất của bà P, ông H1 là do lấn chiếm (nêu ở các phần sau) nên việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà P với bà L và ông T1 (nếu có) là không đúng vì bà P không có quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật Đất đai năm 1993.

[2.3] Ngày 28/7/2004, UBND huyện P ban hành Quyết định số 2489/QĐ-UB thu hồi 35.000 m^2 đất của ông Võ Văn H1 do bao chiếm, lấn chiếm đất đai do Nhà nước quản lý thuộc xã G; buộc ông H1 phải di dời các công trình xây dựng trên đất ra khỏi khu vực đất bị thu hồi. Tại các Biên bản làm việc ngày 08/12/2015 và ngày 21/9/2016 với Thanh tra huyện P, bà P đều có lời khai xác định thời điểm gia đình bà vào canh tác phần đất 12.218,7 m^2 là sau khi có quyết định thu hồi đất, sau thanh tra (theo Quyết định số 2489 nêu trên); sau này bà P mới có lời khai xác định việc chuyển nhượng đất cho bà L vào năm 2000.

[2.4]. Theo Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 26/5/2011 của UBND xã G thể hiện phần diện tích 12.218,7 m^2 đất thu hồi của bà L có nguồn gốc do bà Trần Thị P bao chiếm năm 2007, đến năm 2008 sang lại cho bà L diện tích 10.218,7 m^2 và do ông T1 khai phá sau đo đạc năm 2007 đến năm 2009 sang lại cho bà L diện tích 2.000m^2.

[2.5] UBND thành phố P xác định diện tích 12.218,7 m^2 đất thuộc Dự án, trước năm 1998 là đất do Nhà nước quản lý. Ngày 18/6/1998, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 2163/QĐ-UB về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 33.307,87 ha cho Ban Q (diện tích 12.218,7 m^2 nêu trên thuộc phạm vi Vườn Quốc gia P quản lý). Vào khoảng năm 2005, bà Trần Thị P chiếm đất rừng có diện tích 12.218,8 m^2 để sử dụng trồng tràm bộng vàng, đào xen kẽ cây rừng, sau đó bà P chuyển nhượng trái pháp luật cho bà L. Năm 2007, khi kiểm kê, đo đạc để lập phương án bồi thường, bà L tự kê khai và được lập phương án bồi thường với diện tích là 12.218,7 m^2.

[2.6] Tại Công văn số 123/VQG-NCKH ngày 31/12/2015, Vườn Quốc gia P trả lời Thanh tra huyện P có nội dung xác định theo ranh giới, tọa độ mốc giới Vườn Quốc gia cắm ngoài thực địa năm 2004 thì toàn bộ tổng diện tích 12.218,7 m^2 đất của hộ bà L nằm trong ranh giới Vườn Quốc gia P.

Do đó, có căn cứ xác định diện tích đất thu hồi của bà L có nguồn gốc do Nhà nước quản lý và hiện nay thuộc ranh rừng của Vườn Quốc gia P. Việc sử dụng đất của bà L là do lấn chiếm nên khi thực hiện Dự án, ngày 30/11/2015, UBND huyện P ban hành các Quyết định thu hồi đất và không ban hành quyết định phê duyệt bồi thường đối với đất và tài sản trên đất cho hộ gia đình bà L là đúng quy định tại khoản 4 Điều 82, khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013. Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 1402 giải quyết khiếu nại của bà L, khẳng định việc UBND huyện không xem xét bồi thường quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất cho bà L là đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, từ đó đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, hủy Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị L là chưa đúng quy định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, sửa một phần bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà L. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[4] Án phí:

[4.1] Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Bùi Thị L phải chịu; Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P không phải chịu.

[4.2] Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính;

Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P. Sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm số 10/2021/HC-ST ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 73 Luật Đất đai năm 1993; Điều 82, khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L về việc:

- Hủy quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị L.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho bà Bùi Thị L khi thu hồi diện tích 12.218,7m^2 đất tại ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L về việc yêu cầu buộc Chủ tịch UBND thành phố P ban hành quyết định giải quyết khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 12.218,7m^2 của bà L bị thu hồi thuộc Dự án khu du lịch sinh thái B.

3. Án phí:

3.1 Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Bùi Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000748 ngày 16/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P và Ủy ban nhân dân thành phố P không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

3.2 Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang không phải chịu. Hoàn trả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí phúc thẩm số 0006802 ngày 07/4/2021 (do ông Nguyễn Văn T4 nộp thay) của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
– TAND tỉnh Kiên Giang (1);
– VKSND tỉnh Kiên Giang (1);
– Cục THADS tỉnh Kiên Giang (1);
– Các đương sự (4);
– Lưu: hồ sơ vụ án (1),VP (5), 15b (PPC);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hồ Thị Thanh Thúy